

Chương 10: Chính sách, biện pháp khuyến khích sản xuất và đẩy mạnh xuất khẩu

- **1. Vai trò của xuất khẩu đối với quá trình phát triển kinh tế**
- **2. Mục tiêu, nhiệm vụ, chính sách và phương hướng xuất khẩu**
- **3. Những biện pháp, chính sách đẩy mạnh và hỗ trợ xuất khẩu**
- **4. Quản lý và thủ tục xuất khẩu**

1. Vai trò của xuất khẩu đối với quá trình phát triển kinh tế

- 1.1. Xuất khẩu tạo nguồn vốn chủ yếu cho nhập khẩu, phục vụ công nghiệp hoá đất nước.
- 1.2 Xuất khẩu đóng góp vào việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế, thúc đẩy sản xuất phát triển.
- 1.3 Xuất khẩu có tác động tích cực đến việc giải quyết công ăn việc làm và cải thiện đời sống của nhân dân.
- 1.4 Xuất khẩu là cơ sở để mở rộng và thúc đẩy các quan hệ kinh tế đối ngoại của nước ta.

1.1. Xuất khẩu tạo nguồn vốn chủ yếu cho nhập khẩu, phục vụ công nghiệp hoá đất nước.

- CNH là gì?
- Nguồn vốn cho nhập khẩu và CNH:
 - Vay nợ, viện trợ: t- ơng đối lớn nh- ng phải chịu những điều kiện ràng buộc; phải đảm bảo chỉ tiêu an toàn về nợ n- ớc ngoài; phải trả khi đến hạn.
 - Đầu t- n- ớc ngoài: còn khiêm tốn, ch- a ổn định
 - Du lịch: tăng tr- ờng cao song con số tuyệt đối còn thấp
 - Dịch vụ: vận tải biển, hàng không, bảo hiểm, thanh toán quốc tế,...
 - Xuất khẩu sức lao động,...

- Vì sao vốn từ xuất khẩu lại quan trọng

- Đảm bảo cung cấp chủ yếu nhu cầu ngoại tệ cho NK, mà XK nếu phát triển thì sẽ có tác động tích cực ảnh hưởng đến các lĩnh vực khác liên quan đến ngoại tệ
- XK phát triển, KNXK tăng không ngừng thanh toán các khoản nợ tổng -> tăng dự trữ ngoại vãng và tiết kiệm
- XK tăng, các nhà xuất khẩu sẽ tìm thấy nhiều cơ hội mở rộng thị trường vào quốc gia, vùng xuất khẩu - nước ngoài tổng
- XK tăng cũng làm cho vị thế của quốc gia tăng, tăng cường sự giao lưu hợp tác kinh tế với các nước khác => phát huy được lợi thế tổng.

Phân loại mức độ Nợ nước ngoài của 1 quốc gia

Công thức tính NNN của 1 nước:

$$\text{Tổng NNN} = \text{Vay của CP} + \text{Vay TM của các DN}$$

Hệ số Phân loại	Nợ/GDP	Nợ/XK	Chi phí trả nợ/XK	Chi phí trả nợ/GDP	Lãi/ XK
Nợ quá nhiều	>50%	>275%	>30%	>4%	>20%
Nợ vừa phải	30-50%	165-275%	18-30%	4%	12-20%
Nợ ít	30%	<165%	<18%	<4%	<12%

Nguồn: WB

Các chỉ tiêu giới hạn an toàn về vay nợ của Việt Nam:

- Tổng dư NNN phải **$< 50\%$ GDP** và **$\leq 150\%$ XK.**
- Tổng nghĩa vụ trả nợ/Tổng XK **$\leq 20\%$**
- Hàng năm chỉ dành **$\leq 12\%$ thu NSNN** để trả NNN

(Bộ Tài chính)

I. VAI TRÒ CỦA XUẤT KHẨU

1. Tạo nguồn vốn chủ yếu cho nhập khẩu

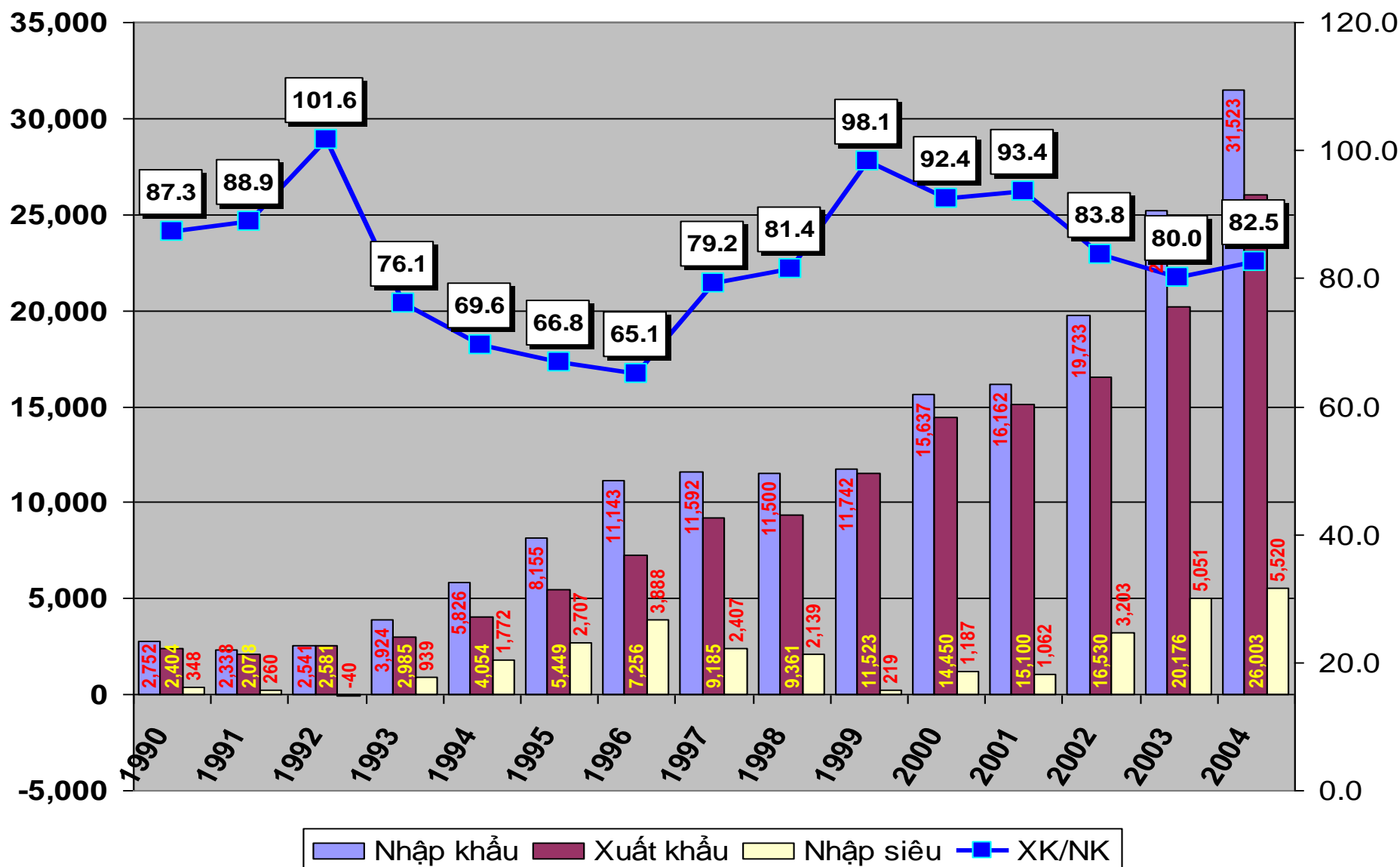
- Nêu những nguồn vốn cho nhập khẩu?
 - **Vốn NK phải là ngoại tệ**

- Xuất khẩu hàng hóa:	15	16,7	20	26	32
- Đầu tư nước ngoài:	3,2	2,9	3,1	4,2	5,8
- Vay nợ, Viện trợ:					
- Xuất khẩu dịch vụ					5,6
- Xuất khẩu lao động					
- Kiều hối	1,8	2,1	2,7	3,2	3,8

Tỷ trọng thu ngoại tệ từ XK

- GĐ 1986-1990: XK chiếm $\sim 3/4$ Tổng thu ngoại tệ
XK = 6,842 tỷ USD
Nguồn khác = 1,753 tỷ USD
- GĐ 1991-1995: XK chiếm $\sim 2/3$ Tổng thu ngoại tệ
XK = $\sim 15,6 - 17,1$ tỷ USD
Nguồn khác = $\sim 8,7$ tỷ - 9,8 tỷ USD
- GĐ 1996-2000: XK chiếm $\sim 2/3$ Tổng thu ngoại tệ
XK = $\sim 51,5$ tỷ - 55,24 tỷ USD
Nguồn khác = $\sim 22-24$ tỷ

Khả năng đáp ứng nhu cầu nhập khẩu của xuất khẩu



Nguồn: Tổng hợp

1.2 Xuất khẩu đóng góp vào việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế, thúc đẩy sản xuất phát triển.

- Xu hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế
- Xuất khẩu -> chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng của ngành công nghiệp và dịch vụ
- Quan hệ giữa xuất khẩu và sản xuất: 2 quan điểm

Xuất khẩu và sản xuất:

- *Quan điểm thứ nhất:* coi xuất khẩu chỉ là khâu tiêu thụ những sản phẩm thừa do sản xuất vượt quá nhu cầu nội địa.
- *Quan điểm thứ hai:* coi thị trường đặc biệt là thị trường thế giới là hướng quan trọng để tổ chức sản xuất.
 - Quan điểm này đem lại những ý nghĩa lớn cả về mặt sản xuất và xuất khẩu, giúp chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng CNH.

- **Quan điểm thứ hai:**

+ *Thứ nhất, XK tạo điều kiện cho các ngành phát triển thuận lợi.*

+ *Thứ hai, XK tạo khả năng mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm, giúp cho sản xuất có điều kiện phát triển và ổn định.*

+ *Thứ ba, xuất khẩu tạo ra những tiền đề kinh tế-kỹ thuật nhằm mở rộng khả năng cung cấp đầu vào và nâng cao năng lực sản xuất trong nước:*

+ *Thứ tư, thông qua xuất khẩu, hàng hoá Việt Nam được cọ sát trên thị trường thế giới về mặt chất lượng và giá cả, buộc các doanh nghiệp Việt Nam phải luôn đổi mới hoạt động sản xuất để đáp ứng được nhu cầu của thị trường, nâng cao năng lực cạnh tranh của hàng Việt Nam trên thị trường thế giới.*

1.3 Xuất khẩu có tác động tích cực đến việc giải quyết công ăn việc làm và cải thiện đời sống của nhân dân.

- XK làm mở rộng qui mô ngành hàng, thu hút lao động
- Thu nhập của người lao động trong những ngành sản xuất hàng XK thường cao hơn
- XK tạo vốn để NK, mở rộng khả năng tiêu dùng của nhân dân

1.4 Xuất khẩu là cơ sở để mở rộng và thúc đẩy các quan hệ kinh tế đối ngoại của n- ớc ta.

Quan hệ kinh tế đối ngoại bao gồm 5 hình thức:

- 1. QHQT về trao đổi hàng hoá (mậu dịch quốc tế, bao gồm xuất khẩu và nhập khẩu).
- 2. Đầu tư quốc tế
- 3. QHQT về Di chuyển sức lao động.
- 4. QHQT về Khoa học công nghệ
- 5. Quan hệ tiền tệ quốc tế

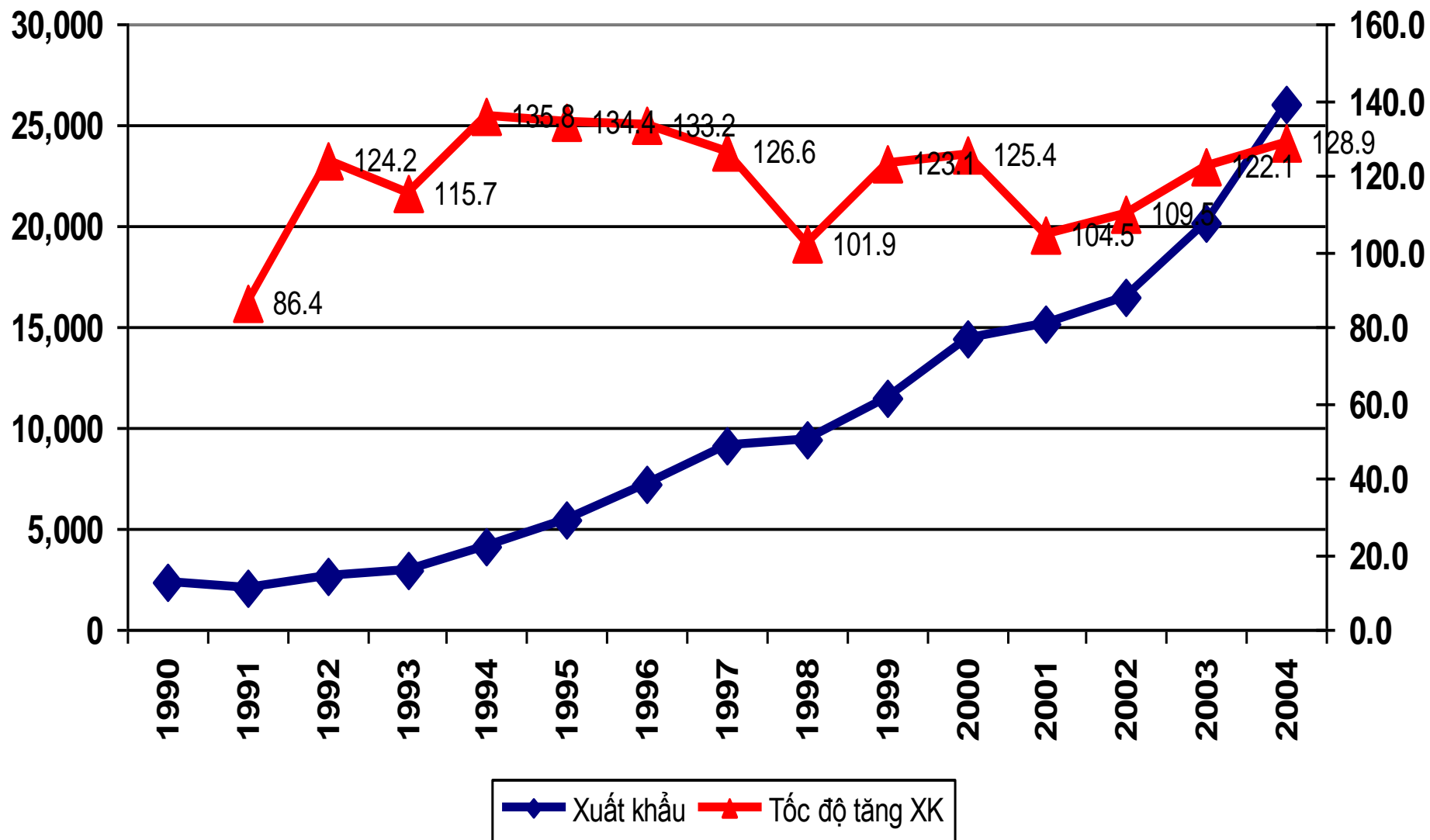
2. Mục tiêu, nhiệm vụ, chính sách và phương hướng xuất khẩu

- *Mục tiêu*: là cái đích cần đạt tới. Mục tiêu của xuất khẩu, ví dụ trong thời kỳ chiến tranh, có thể là có ngoại tệ để mua vũ khí, phục vụ chiến đấu.
- *Nhiệm vụ*: công việc phải làm vì một mục đích và trong một thời gian nhất định (thường nói về công việc xã hội)
- *Chính sách*: sách lược và kế hoạch cụ thể nhằm đạt một mục đích nhất định, dựa vào đường lối chính trị chung và tình hình thực tế mà đề ra.
- *Phương hướng*: những điều được xác định để nhằm theo đó mà hành động.

2.1. Hiện trạng xuất khẩu của Việt Nam

- *1/ Tốc độ xuất khẩu tăng nhanh trong vài năm gần đây nhưng qui mô còn rất nhỏ bé*
- *2/ Cơ cấu xuất khẩu còn thể hiện sự yếu kém của nền kinh tế, nặng về hàng hoá ở dạng sơ chế.*
- *3/ Sức cạnh tranh của hàng hoá Việt Nam còn yếu*
- *4/ Cơ cấu thị trường trong những năm gần đây đã được mở rộng và đa dạng hoá*

Tốc độ tăng kim ngạch XK của Việt Nam



Kim ngạch xuất khẩu bình quân đầu người

Năm	XK bình quân đầu người/năm	So Sánh
1991	30\$	
1992	50\$	chỉ = 25,6% Indônêxia = 0,8% Thái lan = 3,1% Malaysia
1999	150\$	
2001	191\$	Malaysia=3607 Thái lan=1040 Singapore=28988
2003	246\$	

Cơ cấu hàng xuất khẩu

	91-95	1995	1999	2000	2001	2002	2003
Công nghiệp nặng và khoáng sản	31	25,3	31,3	37,2	34,9	31,2	30,9
Công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp	20	28,5	36,8	33,8	35,7	38,3	40,0
Nông - lâm - thủy sản	49	46,2	31,9	29	29,4	30,5	29,1

- Chủ yếu là các *mặt hàng thô và sơ chế*.
- Tỷ trọng *hàng chế biến, chế tạo* có xu hướng tăng lên, nhưng vẫn đang còn ở mức thấp.

Tỷ trọng hàng chế biến trong XK (%)

Năm	'90	'91	'95	'99	'02
Tỷ trọng hàng chế biến	5	8	22	40	49

Thị trường xuất khẩu

Năm	ASEAN	Nhật Bản	Trung quốc	EU	Mỹ	Australia
1995	18.30	26.81	6.64	12.19	3.11	1.02
1999	21.80	15.48	6.47	21.79	4.37	7.06
2000	18.08	19.04	10.61	19.64	5.06	8.79
2001	16.99	16.70	9.43	19.98	7.09	6.93
2002	14.68	14.59	8.95	18.86	14.49	7.96
2003	14.66	14.42	8.66	19.00	19.52	7.04

- 10 thị trường xuất khẩu lớn nhất (chiếm 65% kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam) theo thứ tự là:

Hoa Kỳ, Nhật Bản, Ôxtrâylia, Singapore, Đức, Anh, Đài Loan, Indônêxia, Hà Lan, Pháp.

- Trong đó, so với năm 2002, Hoa Kỳ vượt Nhật Bản vươn lên dẫn đầu.

2.2. Mục tiêu của xuất khẩu

- Trong hoạt động xuất khẩu, mục tiêu của doanh nghiệp có thể khác với mục tiêu chung của toàn xã hội.
- Mục tiêu chung nhất của xuất khẩu, quan trọng chủ yếu nhất của xuất khẩu là *để nhập khẩu* đáp ứng nhu cầu của nền kinh tế.

2.3. Nhiệm vụ của xuất khẩu

- *a) Ra sức khai thác có hiệu quả mọi nguồn lực của đất nước*
- *b) Nâng cao năng lực sản xuất hàng xuất khẩu để tăng nhanh khối lượng và kim ngạch xuất khẩu*
- *c) Tạo ra những mặt hàng (nhóm hàng) xuất khẩu chủ lực đáp ứng những đòi hỏi của thị trường thế giới và của khách hàng về chất lượng, số lượng, có sức hấp dẫn và khả năng cạnh tranh cao.*

2.4. Phương hướng phát triển nguồn hàng xuất khẩu trong thời gian tới

- *2.4.1. Căn cứ để xác định phương hướng xuất khẩu*
- *2.4.2. Phương hướng cơ cấu xuất khẩu*
- *2.4.3. Phương hướng hình thành các vùng sản xuất hàng xuất khẩu*
- *2.4.4. Ngành hàng xuất khẩu then chốt*

3. Những biện pháp, chính sách đẩy mạnh và hỗ trợ xuất khẩu

3 nhóm:

- - Các biện pháp tạo nguồn hàng và cải biến cơ cấu xuất khẩu
- - Các biện pháp tài chính, tín dụng
- - Nhóm biện pháp thể chế - tổ chức

3.1. Các biện pháp tạo nguồn hàng và cải biến cơ cấu xuất khẩu

3.1.1. Xây dựng mặt hàng xuất khẩu chủ lực

a. Khái niệm

- *Hàng xuất khẩu chủ lực*: là loại hàng chiếm vị trí quyết định trong kim ngạch xuất khẩu do có thị trường ngoài nước và điều kiện sản xuất trong nước thuận lợi.
- *Hàng quan trọng*: là hàng không chiếm tỷ trọng lớn trong kim ngạch xuất khẩu nhưng đối với từng thị trường, từng địa phương lại có vị trí quan trọng.
- *Hàng thứ yếu*: không thuộc hai loại trên sẽ là hàng xuất khẩu thứ yếu, kim ngạch của chúng thường nhỏ.

Các quan điểm về hàng chủ lực trên thế giới

- - *Quan điểm 1*: Mặt hàng xuất khẩu chủ lực chỉ đơn giản là mặt hàng xuất khẩu có kim ngạch lớn, chiếm trên 25% tổng kim ngạch xuất khẩu.
- - *Quan điểm 2*: Mặt hàng xuất khẩu chủ lực là mặt hàng xuất khẩu mà sản xuất ra phần lớn là để xuất khẩu
- - *Quan điểm 3*: Mặt hàng xuất khẩu chủ lực là mặt hàng có kim ngạch lớn do có điều kiện thuận lợi về cung và cầu.

Quan điểm tại Việt Nam:

- Hàng XKCL là loại hàng xuất khẩu có thị trường tương đối ổn định, có điều kiện sản xuất trong nước thuận lợi và có hiệu quả nên chiếm tỷ trọng lớn trong kim ngạch xuất khẩu và vị trí quyết định trong cơ cấu hàng xuất khẩu.

b. Các điều kiện của một MHXKCL

- - Điều kiện về cầu: Có thị trường tiêu thụ tương đối ổn định và luôn cạnh tranh được trên thị trường đó.
- - Điều kiện về Cung: Có nguồn lực để tổ chức sản xuất và sản xuất với chi phí thấp để thu được lợi trong buôn bán.
- - Có khối lượng kim ngạch lớn trong tổng kim ngạch XK của đất nước.

c. Mặt hàng xuất khẩu chủ lực được hình thành như thế nào?

- Thâm nhập → Cạnh tranh → Đứng vững → Chuyển đổi tổ chức sản xuất → Tăng lợi nhuận
- Tại Việt Nam:
 - Năm 1992: (4) dầu thô, dệt may, gạo, thủy sản
 - 1993-1994: thêm 4 là giày dép, cà phê, cao su, hạt điều
 - 1995-1999: thêm 4 nữa là than đá, rau quả, thủ công mỹ nghệ, điện tử

d. ý nghĩa

Việc chú trọng xây dựng mặt hàng xuất khẩu chủ lực đã có những ý nghĩa quan trọng đối với nền kinh tế Việt Nam:

- - Mở rộng qui mô sản xuất trong nước, trên cơ sở đó kéo theo chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng CNH, mở rộng và làm phong phú thị trường nội địa.
- - Tăng nhanh kim ngạch xuất khẩu: tốc độ tăng trưởng của các MHXKCL luôn cao hơn tốc độ chung của kim ngạch xuất khẩu.
- - Tạo điều kiện giữ vững, ổn định thị trường xuất khẩu và nhập khẩu.
- - Tạo cơ sở vật chất để mở rộng các quan hệ hợp tác kinh tế, khoa học kỹ thuật với nước ngoài.

Phương hướng hình thành MHXKCL trong thời gian tới?